

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2025/HC-ST**
Ngày 08 - 5 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Thanh Chín.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trương Vĩnh Kỳ và ông Phạm Văn Trịnh.

- Thư ký phiên tòa: ông Chu Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2018/TLST-HC ngày 27/3/2018, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐST-HC ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hải C, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Văn Đ – Công ty L2, địa chỉ: Số A, đường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Xuân V – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P.

2. Bà Phạm Thị Minh H – Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số F, đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Minh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Lê Duy L1 - Phó Phòng Quản lý đất của Trung tâm.

3/ Công ty Cổ phần Đ1;

Địa chỉ: Số nhà A, đường số B, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan M - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số G, đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T1- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P.

5/ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1947;

6/ Bà Võ Thị M1, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

7/ Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trần Ngọc N - Phó Chi cục trưởng C1 thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh B.

Đương sự có mặt: bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Trần Hải C, ông Phùng Lê Duy L1, ông Nguyễn Thanh T1.

Các đương sự khác vắng mặt, trong đó Ủy ban nhân dân thành phố P, Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị M2 từ chối tham gia tố tụng. Ông Ngô Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: có mặt Luật sư Phạm Thị Minh H, có mặt ông Trần Ngọc N, vắng mặt Luật sư Trần Văn Đ, vắng mặt ông Nguyễn Xuân V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/10/2019, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 24/3/2005, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBPT về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L và ngày 08/8/2013 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L. Ngày 21/3/2014 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 505/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường thiệt hại cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh L, dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn 2A, phường P là 0 đồng. Bà L đã khiếu nại các quyết định nêu trên nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P không giải quyết mà đẩy qua Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận giải quyết trong khi Trung tâm Phát triển quỹ đất không có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 03/4/2017 bà L nhận được Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ. Do đó, việc ban hành các quyết định nêu trên là trái quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ.

Ngày 03/10/2019 bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L.

- Hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường thiệt hại cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh L, dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

Tại phiên tòa, người khởi kiện xác định và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định nêu trên, bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

Rút yêu cầu hủy Quyết định số 4393/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L (đối với diện tích đất thu hồi 128,8m²).

Người khởi kiện không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu. Không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P: tại Văn bản số 5786/UBND-TH ngày 14/5/2018, có nội dung: việc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L là đúng quy định pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu Tòa án hủy quyết định nêu trên là không có căn cứ pháp luật.

Ý kiến của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận: Trung tâm thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Võ Thị M1 trình bày ý kiến tại Đơn từ chối tham gia tố tụng và trình bày ý kiến không ngày, tháng, năm được Văn phòng C2 ngày 09/01/2020, có nội dung như sau: vào ngày 30/6/2002 chúng tôi có chuyển nhượng cho gia đình bà Nguyễn Thị Thanh L một diện tích đất khoảng 125m² (25m x 5m). Chuyển nhượng bằng hình thức viết giấy tay vào năm 2002, giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà L và chúng tôi đã hoàn tất, đã nhận tiền chuyển nhượng và giao đất cho bà L sử dụng và bà L đã sử dụng đất và xây dựng nhà ở trên đất từ năm 2003.

Đến năm 2004, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình chúng tôi đã được Ủy ban đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 ngày 11/2/2004 đối với diện tích đất 3.786m², trong đó có 125m² mà chúng tôi đã chuyển nhượng cho bà L; khi đó chúng tôi có trình bày với chính quyền về việc đã chuyển nhượng cho bà L diện tích 125m² mà bà L đã bị thu hồi nhưng cán bộ hướng dẫn là làm thủ tục cấp cho gia đình chúng tôi để rồi sau đó sẽ tách thửa cho bà L.

Đến khi Nhà nước thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư H, giai đoạn 2A thì gia đình chúng tôi đã được Nhà nước quy chủ đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà L, tuy nhiên chúng tôi khẳng định là không thừa nhận và cũng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà L. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi thì Nhà nước nên xác định và quy chủ bồi thường cho bà L đối với diện tích đất 125m² này.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 ngày 11/2/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho hộ chúng tôi thì hiện tại Ủy ban đã thu hồi để làm dự án.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của chúng tôi liên quan đến vụ việc này, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đồng thời chúng tôi xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không có ý kiến.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của người khởi kiện đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L Dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh L, bà L nhận quyết định ngày 03/4/2017. Ngày 26/3/2018 bà Nguyễn Thị Thanh L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, việc bà L khởi kiện là trong thời hiệu; Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, đương sự khác từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt đến lần thứ hai. Đương sự có mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên đề nghị tiến hành phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L. Nhận thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L là không đúng thẩm quyền tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Việc ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 trên cơ sở thi hành Quyết định số 5290/QĐ-CTUBBT ngày 23/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Quỹ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng B xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H, giai đoạn 2A tại phường P và phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005, bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P. Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện do không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện; việc rút yêu cầu của người khởi kiện là tự nguyện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà người khởi kiện đã rút.

[3.2] Đối với các yêu cầu của người khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, Dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

- Hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L.

- Hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường thiệt hại cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh L, Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

- Hủy Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

[3.3] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện nêu trên:

Ngày 23/02/2004 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5290/QĐ-UBND về việc giao đất cho Quỹ đầu tư Phát triển cơ sở hạ tầng B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận) để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư H, giai đoạn 2A tại phường P, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24/3/2005 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L tại thửa đất số 64/128,8m².

Ngày 23/3/2005 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4205/QĐ-UBND thu hồi diện tích 6.791,5m² (trong đó có thửa đất số 64, diện tích 128,8m² của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L) để xây dựng Khu dân cư Hùng Vương II.

Tuy nhiên, qua việc rà soát phát hiện thửa đất số 64, diện tích 128,8m² nằm trong phần đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 ngày 11/02/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và trước đó ban hành quyết định thu hồi đất ghi tên người sử dụng hộ bà Nguyễn Thị Thanh L là không đúng nên Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 08/8/2013, về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005. Lý do “thửa đất số 64, diện tích 128,8m² bà L nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn H1 sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 23/02/2004 thu hồi đất để làm dự án và thửa đất này Ủy ban nhân dân thành phố P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H1 vào ngày 11/02/2004”.

Ngày 08/8/2013 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 2753/QĐ-UBND và ngày 11/11/2013 ban hành Quyết định số 6190/QĐ-UBND thu hồi bổ sung 682,8m² đất trồng cây hàng năm của hộ ông Nguyễn Văn H1 để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư H, trong đó có thửa đất số 64, diện tích 128,8m² ông H1 đã chuyển nhượng cho bà L (kèm theo trích lục bản đồ vị trí thửa đất thu hồi số **64/128,8m²**; 63/111,3m²; 62/223,3m²; 61/362,9m²; 167/120m² do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P ngày 01/8/2013. Các thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 ngày 11/02/2004).

Ngày 21/3/2014 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 505/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh L với số tiền 0 đồng. Lý do: “thửa đất số 64, diện tích 128,8m² thuộc quyền sử dụng của hộ Nguyễn Văn H1 và căn nhà do hộ bà Nguyễn Thị Thanh

L xây dựng trên đất sau khi có Quyết định thu hồi đất số 5290/QĐ-UBND ngày 23/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B”.

Ngày 14/02/2015 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định số 332/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông H1 do bị thu hồi 3.576,3m² đất (bao gồm cả thửa đất số 64, diện tích 128,8m²) với số tiền 429.156.000đồng.

Ngày 23/01/2017 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông H1 do bị thu hồi 3.576,3m² đất (bao gồm cả thửa đất số 64, diện tích 128,8m²) với số tiền 1.573.002.520đồng. Đối với số tiền bồi thường và bồi thường bổ sung tương ứng với thửa đất số 64, diện tích 128,8m², ông H1 không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ vì cho rằng đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh L. Đồng thời, ông H1 cũng đã nộp trả số tiền này vào tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh B1.

Ngày 24/3/2017 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 803/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, với số tiền là: 9.511.770đồng.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và các Điều 66, 67, 69 và 74 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét nguồn gốc đất:

Hộ ông Nguyễn Văn H1 (vợ là bà Võ Thị M1) là chủ sử dụng đối với diện tích 6.378,7m² đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại phường P, thành phố P; ông H1 đã kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ bản đồ đo đạc theo Nghị định số 60/CP thì diện tích 6.378,7m² đất của ông H1 gồm thửa đất số 11, tờ bản đồ 63, diện tích 3.786,5m² và thửa số 21, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.592,2m².

Ngày 30/6/2002 ông Nguyễn Văn H1 và bà Võ Thị M1 viết giấy sang nhượng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh L 125m² (diện tích đo đạc theo hiện trạng 128,8m²), là một phần diện tích nằm trong thửa đất số 11, tờ bản đồ 63, diện tích 3.786,5m²; giấy tay có xác nhận của nhân chứng và Ban điều hành Khu phố 13,

phường P. Theo bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày: năm 2003 bà đã xây căn nhà cấp 4 trên diện tích 128,8m² đất nhận chuyển nhượng của ông H1, bà M1.

Do ông Nguyễn Văn H1 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh L nhưng không kê khai điều chỉnh lại diện tích nên ngày 11/02/2004 Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 là người sử dụng đối với diện tích 6.378,7m² đất trồng cây hàng năm (bao gồm cả 128,8m² đất thuộc một phần thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 11) ông H1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh L.

[4.2] Ông H1 trình bày: năm 2004, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình chúng tôi đã được Ủy ban đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 ngày 11/2/2004 đối với diện tích đất 3.786m², trong đó có 125m² mà chúng tôi đã chuyển nhượng cho bà L; khi đó chúng tôi có trình bày với chính quyền về việc đã chuyển nhượng cho bà L diện tích 125m² mà bà L đã bị thu hồi nhưng cán bộ hướng dẫn là làm thủ tục cấp cho gia đình chúng tôi để rồi sau đó sẽ tách thửa cho bà L.

Đến khi Nhà nước thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư H, giai đoạn 2A thì gia đình chúng tôi đã được Nhà nước quy chủ đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà L, tuy nhiên chúng tôi khẳng định là không thừa nhận và cũng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà L. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi thì Nhà nước nên xác định và quy chủ bồi thường cho bà L đối với diện tích đất 125m² này.

[4.3] Bà Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện cho rằng đối với phần đất nông nghiệp diện tích 128,8m² thuộc một phần thửa số 63, tờ bản đồ số 11 mà Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 là không đúng mà phải bồi thường cho bà L vì bà L đã nhận chuyển nhượng của ông H1 từ năm 2002.

Lời trình bày của bà L thuộc trường hợp: “diện tích đất không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, tương ứng với khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013”; trong vụ án này, phần đất liên quan đến yêu cầu khởi kiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H1. Đối với khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 có quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trường hợp cá nhân làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất khi có một trong các giấy tờ tại khoản 1 Điều 50 (khoản 1 Điều 100) nghĩa là có giấy tờ mang tên chủ cũ và hợp đồng có chữ ký của các bên. Đây là

quy định để chủ sử dụng mới thực hiện trình tự, thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Thực tế phần diện tích 128,8m² đất thuộc một phần thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 11 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 700329 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 từ ngày 11/02/2004. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Thanh L đều không thực hiện việc sang tên theo quy định của pháp luật nên khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố P trình tự, thủ tục bồi thường cho chủ sử dụng đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp là đúng quy định tại Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Bà Nguyễn Thị Thanh L cũng không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông H1 đối với phần diện tích 128,8m² đất này.

[4.4] Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017; Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 21/3/2014, Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L theo đó chi hỗ trợ tài sản trên đất và chi phí di dời tài sản, là có căn cứ pháp luật.

[4.5] Mặt khác, về bản chất bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích 128,8m² đất nông nghiệp nêu trên. Trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H1 đều xác định không tranh chấp và không nhận số tiền bồi thường đối với diện tích 128,8m² thuộc một phần thửa số 63, tờ bản đồ số 11 nêu trên và đã chuyển toàn bộ số tiền được bồi thường này vào tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận. Do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh L đã được đảm bảo. Trong trường hợp có tranh chấp về số tiền bồi thường với ông H1 thì bà L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Người khởi kiện trình bày: trên đất có tài sản là căn nhà cấp 4 do người khởi kiện xây dựng, bản phô tô giấy sang nhượng đất ngày 30/6/2002 giữa ông Nguyễn Văn H1 và bà Võ Thị M1 với bà Nguyễn Thị Thanh L do người khởi kiện nộp, tại phần xác nhận của ban điều hành khu phố có ghi “Bà Nguyễn Thị Thanh L có xây 1 căn nhà cấp 4 vào năm 2003”, trong khi đó bản chính nộp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh không có nội dung “Bà Nguyễn Thị Thanh L có xây 1 căn nhà cấp 4 vào năm 2003”, từ đó không có căn cứ xác định thời điểm xây dựng nhà như người khởi kiện nêu ra nên không có căn cứ xem xét việc bồi thường tài sản là nhà có trên đất.

[6] Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Điều 39, Điều 42, Điều 44, Điều 50 của Luật Đất đai 2003;
- Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 100 của Luật Đất đai 2013;
- Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L, về việc:

- Hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, Dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.
- Hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L.
- Hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường thiệt hại cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh L, Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.
- Hủy Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Ngô Minh T – bà Nguyễn Thị Thanh L, dự án Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh L, về việc hủy Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh L.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021023 ngày 26/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín